



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 395 - 2024/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 746
Ngày: 15/11/2024
Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Tuy An
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 41B02/24
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 5/11/2024
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 5/11/2024 đến ngày 13/11/2024
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCDP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,21
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,62
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,06
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	29,30
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	44,99
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	< LOQ = 0,005
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	10,50
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	99
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,05
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,60
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	< LOQ = 0,042
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	1,54
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,02
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,62
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
PHÚ YÊN
T. TUY HÒA - T. PHÚ YÊN

P. PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Ghi chú:
Nguyễn Tấn Thuận

Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 06

Ngày ban hành: 15/07/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 396 - 2024/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 15/11/2024
Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Tuyến Chí Đức - NMN Tuy An
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 42M₁02/24
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 5/11/2024
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 5/11/2024 đến ngày 13/11/2024
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCĐP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,18
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,28
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,09
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	30,31
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	44,99
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	< LOQ = 0,005
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	6,70
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	101
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,05
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,20
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	0,05
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	1,67
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,03
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,30
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Ghi chú: *Nguyễn Văn Tuấn*

Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



Số: 397 - 2024/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 15/11/2024
Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối tuyến An Dân - NMN Tuy An
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 43M₁02/24
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 5/11/2024
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 5/11/2024 đến ngày 13/11/2024
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCĐP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,37
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,53
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,14
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	30,65
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	44,99
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	< LOQ = 0,005
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	7,50
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	117
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,05
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,00
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	0,04
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	1,61
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,007)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,20
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

P. PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Ghi chú: *Nguyễn Tuấn Chuẩn*

Võ Bá Duy Huân
Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh
Trần Quang Vinh

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử